

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày tháng 9 năm 2021

**THÔNG BÁO**  
**TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY**  
**(Từ ngày 25/8 đến ngày 31/8/2021)**

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Thời tiết**

Trong tuần trời nắng nóng, có lúc có mưa rào. Lượng mưa đo được tại Vinh Yên 20 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 29,5<sup>0</sup>C (cao hơn CKNT), cao nhất 34<sup>0</sup>C, thấp nhất 26<sup>0</sup>C.

Âm độ trung bình 73 - 95% (cao hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 60 - 65 giờ (cao hơn CKNT).

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

Diện tích gieo trồng vụ mùa 2021 là: 31.437,3 ha, trong đó:

- Lúa mùa: 23.890,2 ha (chắc xanh - chín - thu hoạch).

- Ngô: 1.655,4 ha (chắc hạt - thu hoạch).

- Đậu tương: 146,1 ha (quả chắc).

- Lạc: 478,7 ha (củ chắc).

- Khoai lang: 185,3 ha (củ).

- Rau: 2.455,3 ha (các giai đoạn).

- Cây khác: 3.156,1 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần trời nắng nóng, có lúc có mưa rào. Cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sinh vật gây hại nhẹ.

**II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA**

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấu 1,22 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 8 con (Vinh Tường); Rầy nâu 2,1 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 8 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,5 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 12 con (Sông Lô); Rầy xanh đuôi đen 0,3 con (tương đương hơn kỳ trước), nơi cao 4 con (Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 0,84 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 7 con (Sông Lô).

**1. Trên cây lúa**

- Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 1, 2, 3, 4, 5) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 1 - 2 con/m<sup>2</sup>, cao 5 - 10 con/m<sup>2</sup>, cục bộ 40 con/m<sup>2</sup> (Yên Lạc).

- Sâu đục thân 2 chấm lúa 4 (tuổi 1, 2, 3) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại, bông bạc phổ biến 0,3 - 0,6%, cao 2 - 3%, cục bộ 5% (Yên Lạc); mật độ ổ trứng phổ biến 0,03 - 0,05 ổ/m<sup>2</sup>; cao 0,3 - 0,5 ổ/m<sup>2</sup>; cục bộ > 1 ổ/m<sup>2</sup> (Vĩnh Tường).

- Rầy nâu (tuổi 2, 3, 4) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 50 - 100 con/m<sup>2</sup>, cao 200 - 400 con/m<sup>2</sup>, cục bộ 500 con/m<sup>2</sup> (Tam Đảo).

- Bệnh khô vằn gây hại rải rác tỷ lệ danh hại phổ biến 5 - 10%, cao từ 20 - 30%, cục bộ 50% (Bình Xuyên).

- Chuột gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,2 - 0,5%, cao từ 1 - 2%, cục bộ 5% (Yên Lạc).

- Bệnh bạc lá gây hại rải rác, tỷ lệ lá hại phổ biến 1 - 3%, cao 10 - 20%, cục bộ 38 % (Tam Dương).

- Đốm sọc vi khuẩn gây hại rải rác tỷ lệ lá hại phổ biến 1 - 2%, cao 8 - 10%, cục bộ 20% (Yên Lạc)

Ngoài ra bọ xít dài gây hại rải rác.

## **2. Cây rau, màu**

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại nhẹ, mật độ phổ biến 0,1 - 0,7 con/m<sup>2</sup>, cao 1 - 4 con/m<sup>2</sup> (Yên Lạc, Vĩnh Tường).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại rải rác, mật độ phổ biến 1 - 2 con/m<sup>2</sup>, cao 5 - 10 con/m<sup>2</sup> (Phúc Yên).

- Trên cây dưa chuột: bệnh héo xanh gây hại rải rác % cây hại phổ biến từ 0,1 - 1,5%.

## **3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)**

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

## **4. Cây lâm nghiệp (thông, keo):** Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.

### **III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 01/9 - 07/9/2021**

#### **1. Cây lúa**

Trưởng thành sâu đục thân lúa 4, sâu cuốn lá nhỏ lúa 6 tiếp tục gây hại; bệnh khô vằn, bạc lá, đốm sọc vi khuẩn tiếp tục gây hại. Dự báo, sâu non gây hại các trà lúa trở đầu tháng 9, cần chú ý theo dõi để kịp thời phòng trừ. Chuột gây hại nhẹ - trung bình những diện tích lúa gần kênh, mương, ven đường đi và gần khu dân cư.

#### **2. Cây rau, màu**

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai, phấn trắng phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, sâu tơ tiếp tục gây hại nhẹ (Phúc Yên).

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại cục bộ (Vĩnh Tường).

#### **3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)**

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ
- Cây xoài: Bệnh thán thư hại nhẹ.

#### **IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ**

1. Đề nghị các huyện, thành phố tiếp tục thăm đồng thường xuyên, kiểm tra đồng ruộng, nắm chắc diện tích lúa bị nhiễm các đối tượng sâu bệnh hại chủ yếu về mật độ, tỷ lệ hại, quy mô và địa bàn xuất hiện để chỉ đạo phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

2. Đảm bảo nước tưới và chăm sóc tốt cây rau, màu. Khi có sinh vật gây hại vượt ngưỡng cần khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc để phun phòng chống đảm bảo an toàn cho người sử dụng, ít ảnh hưởng đến môi trường.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân tích cực áp dụng các biện pháp IPM, SRI, VietGAP để cây trồng sinh trưởng, phát triển khỏe, chống chịu tốt với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận và sinh vật gây hại, đây là tiền đề cho năng suất cao.

4. Thực hiện thường xuyên các biện pháp thủ công: Ngắt ổ trứng sâu đục thân, bẫy bắt chuột khi chúng có mật độ thấp để hạn chế lây lan ra diện rộng. Chỉ phun phòng trừ các sinh vật gây hại khi có mật độ, tỷ lệ hại đến ngưỡng phòng trừ bằng thuốc đặc hiệu như: Sâu đục thân, sâu cuốn lá dùng: Virtako 40WG, Patox 95SP, Nicata 95SP, Marshal 200SC,...; bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn dùng: Xanthomix 20WP, Ychatot 900SP, Avalon 8WP, Kasumin 2L, Totan 200 WP... Đối với sâu keo mùa thu trên ngô dùng: Bitadin WP, Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Proclaim® 5WG, Lufen extra 100EC,...

5. Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 25/8 - 31/8/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

#### **Nơi nhận:**

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế)  
các huyện, thành phố;
- Lưu: BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Anh Tuấn**

**BẢNG THỐNG KÊ**  
**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG**  
*(Từ ngày 25/8/21 đến ngày 31/8/2021)*

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Cây lúa	Chắc xanh - chín - thu hoạch	Sâu cuốn lá nhỏ	Con/m <sup>2</sup>	10	40		5,3	5	0,3			-13,7	5,3	Cục bộ
		Sâu đục thân 2 chấm	%DH	3,5			90	90				-137	25	Rải rác
			ổ trứng/m <sup>2</sup>	0,2	0,5	0,7	5	3	1	1			5	Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	12,8	27,9	50,7	1.590	1.225	280	85		-327	995	Rộng
		Đốm sọc VK	%LH	15			5	5				-21	5	Cục bộ
		Bạc lá	%LH	16	39		21,2	19,2	2			+12,4	17	Rải rác
		Chuột	%DH	2,5			10	10				-21	10	Cục bộ
Cây Ngô	Mới gieo	Sâu keo mùa thu	Con/m <sup>2</sup>	3			5	5				+5	5	Cục bộ
<b>Tổng DT nhiễm SB</b>							<b>1.731,5</b>	<b>1.362,2</b>	<b>283,3</b>	<b>86</b>			<b>1.067,3</b>	

**Ghi chú:**GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

***Cán bộ tổng hợp:*** KS. Triệu Thị Ngọc Duyên.